

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST

Ngày: 09-01-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Hiệp

Ông Võ Ngọc Bột

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Q D, sinh năm 1983, địa chỉ: Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Trần M P, sinh năm 1975 và bà Võ T N, sinh năm 1977, cùng địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Q D có mặt. Ông Trần M P và bà Võ T N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Q D trình bày: Vào ngày 02-12-2021, ông P và bà N có vay của ông số tiền 200.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng sau, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ nhưng ông P và bà N không trả tiền cho ông theo thuận mà hứa hẹn nhiều lần kéo dài cho đến hiện tại. Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu ông P và bà N liên đới trả số tiền 220.000.000 đồng bao gồm tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử là 20.000.000 đồng.

- Ý kiến của bị đơn ông Trần M P và bà Võ T N: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần M P và bà Võ T N vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông Nguyễn Q D khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần M P và bà Võ T N trả tiền theo hợp đồng vay tài sản được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Xét thấy ông Trần M P và bà Võ T N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trần M P và bà Võ T N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Q D đối với nợ gốc:

Ông D yêu cầu ông P và bà N trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng. Chứng cứ ông D đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ ngày 02-12-2021, biên nhận có nội dung như sau:

“Hôm nay ngày 02/12/2021

Tôi tên Trần M P sinh năm 1975.....

Tôi có mượn của ông Nguyễn Q D cư ngụ phường 1 thị xã Kiến Tường số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng) hẹn 1 tháng trả dứt điểm.....

Nhận thêm một trăm triệu. Tổng cộng hai trăm triệu”

Phía dưới có ghi “Người mượn tiền” và có chữ ký, chữ viết họ tên “Trần M P”.

Xét thấy ông P đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và bản sao biên nhận nợ ngày 02-12-2021 nên ông P đã biết rõ yêu cầu khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ của ông D giao nộp nhưng ông P không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của ông D và biên nhận nợ ngày 02-12-

2021 là đúng sự thật và có đủ căn cứ để xác định ông P có vay của ông D số tiền 200.000.000 đồng.

Đối với bà N là vợ của ông P, việc ông P vay tiền của ông D là trong thời kỳ hôn nhân. Ngoài ra bà N đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và bản sao biên nhận nợ ngày 02-12-2021 nên bà N đã biết rõ yêu cầu khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ của ông D giao nộp nhưng bà N không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đủ căn cứ xác định đây là khoản vay chung của vợ chồng ông P và bà N.

Căn cứ biên nhận nợ ngày 02-12-2021, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng nên kể từ ngày 03-01-2022, ông P và bà N phải có nghĩa vụ trả tiền vay cho ông D. Ông P và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó ông D khởi kiện yêu cầu ông P và bà N trả số tiền gốc 200.000.000 đồng là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Q D đối với tiền lãi:

Tại đơn khởi kiện ngày 27-9-2022, ông D yêu cầu mức lãi là 1,6%/tháng và tiền lãi là 29.120.000 đồng. Tại phiên tòa, ông D thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông D yêu cầu mức lãi là 10%/năm và tiền lãi là 20.000.000 đồng. Xét thấy ông D có sự thay đổi về tiền lãi nhưng vẫn thuộc phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi.

Căn cứ nội dung biên nhận nợ ngày 02-12-2021 thể hiện hai bên không có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên đây là khoản vay có thời hạn, ông P và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự, ông P và bà N có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tiền lãi được tính từ ngày 03-01-2022 đến ngày 09-01-2023 là 01 năm 06 ngày, tuy nhiên ông D thống nhất tính lãi trên 01 năm tròn, mức lãi suất được tính là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự. Tiền lãi được tính như sau:

$$200.000.000 \text{ đồng} \times 10\% = 20.000.000 \text{ đồng}.$$

Như vậy, ông D yêu cầu ông P và bà N trả tiền lãi 20.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Về án phí:

Bị đơn ông Trần M P và bà Võ T N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.000.000 đồng (tương ứng với 5% yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Q D được chấp nhận).

Nguyên đơn ông Nguyễn Q D được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Q D đối với ông Trần M P và bà Võ T N, về việc yêu cầu trả tiền vay.

Buộc ông Trần M P và bà Võ T N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Q D số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần M P và bà Võ T N liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Ông Nguyễn Q D không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.728.000 đồng (năm triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010491 ngày 14 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Q D có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần M P và bà Võ T N có quyền

kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Trọng